

Số: 02/2021/QĐST-DS

ST, ngày 17 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Chính sách Xã hội; địa chỉ trụ sở: Số 169 LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông DQT – Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội, là người đại diện theo pháp luật;

- Ông TMT – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền Quyết định số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19-9-2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội.

- Ông LQV – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền Quyết định số 110/QĐ-NHCS, ngày 10-8-2021 của Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Bị đơn*: Bà ĐRN, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh

Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà ĐRN thừa nhận bà có nợ và đồng ý trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST của hai khoản vay, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 09-9-2021 là 56.328.822 đồng (*năm mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó, khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn là 40.529.263 đồng (*bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng*), nợ gốc là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 6.134.551 đồng (*sáu triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi mốt đồng*), lãi quá hạn 4.394.712 đồng (*bốn triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm mười hai đồng*); khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn là 15.799.559 đồng (*mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*), nợ gốc là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 3.799.559 đồng (*ba triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*) và bà ĐRN đồng ý tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn từ ngày 10-9-2021 đến khi bà ĐRN trả hết các khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay hai bên đã ký kết, cụ thể:

- Hợp đồng vay theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, số tiền là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, trả nợ gốc định kỳ 12 tháng/kỳ, mỗi kỳ 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), ngày bắt đầu trả nợ gốc là 08-5-2016, hạn cuối cùng trả nợ là 08-6-2020.

- Hợp đồng vay theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, trả nợ gốc định kỳ 06 tháng/kỳ, mỗi kỳ 1.300.000 đồng (*một triệu, ba trăm nghìn đồng*), ngày bắt đầu trả nợ gốc là 08-9-2017, hạn cuối cùng trả nợ là 08-9-2021.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm bà ĐRN tự nguyện chịu án phí hòa giải thành là 1.408.220 đồng (*một triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm hai mươi đồng*).

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Ánh Tuyết